

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 193/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24/3/2022

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Trần Thị Nga.

2- Bà Nguyễn Thị Nguyên.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Ngân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền -Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 457/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị T, sinh năm: 1971;

Địa chỉ: A3/6 ấp 1 xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. *Bị đơn:* Ông Lâm Văn Th, sinh năm: 1970;

Địa chỉ: A3/6 ấp 1 xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phan Thị T trình bày:

Bà và ông Lâm Văn Th chung sống với nhau vào năm 1992 do tự tìm hiểu, không có tổ chức đám cưới, nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, Thành phố H. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc,

nhưng thời gian gần đây hai bên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xung đột cãi vã và đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông Th để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Có hai con chung tên Lâm Thị Phương T (sinh ngày 21/02/1993) và Lâm Nhật T (sinh ngày 02/02/2011). Hiện nay T đã lập gia đình, còn trẻ T đang được ông Th chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà giao trẻ T cho ông Th tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông Th không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông Th không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lâm Văn Th trình bày:

Ông đồng ý ly hôn với bà Phan Thị T theo Đơn khởi kiện của bà T. Ông đồng ý nuôi con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau: Trong quá trình điều tra, thu thập chứng cứ Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị T. Về con chung: Giao trẻ Lâm Nhật T, sinh ngày 02/02/2011 cho ông Lâm Văn Th chăm sóc, nuôi dưỡng; Ông Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: đương sự xác định không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Phan Thị T và ông Lâm Văn Th chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, Thành phố H vào ngày 26/12/2002. Do cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Th. Đây là tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Bị đơn cư trú tại xã V, huyện B, Thành phố H nên căn cứ quy định khoản 1 Điều 28;

điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh có thẩm quyền giải quyết.

Nguyên đơn bà Phan Thị T và bị đơn ông Lâm Văn Th có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà T, ông Th là phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại Công văn số 4110/UBND ngày 23/11/2021 Ủy ban nhân dân xã V cho biết bà Phan Thị T và ông Lâm Văn Th không còn chung sống với nhau và đã ly thân từ tháng 7 năm 2019. Bà T và ông Th có 02 con chung là chị Lâm Thị Phương T (sinh năm 1993, đã trưởng thành) và trẻ Lâm Nhật T (sinh ngày 02/02/2011). Hiện trẻ T đang ở cùng với bà T.

Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên nhân bà Phan Thị T yêu cầu ly hôn với ông Lâm Văn Th là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xung đột cãi vã, hai bên đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông Th là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà T và ông Th đều có nguyện vọng giao trẻ T cho ông Th chăm sóc, nuôi dưỡng. Trẻ T cũng có nguyện vọng được sống chung với ông Th. Do đó giao trẻ T cho ông Th chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Phần cấp dưỡng nuôi con ông Th không yêu cầu, khi nào có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị Thủy đối với ông Lâm Văn Thanh.

Bà Phan Thị T được ly hôn với ông Lâm Văn Th.

Giấy chứng nhận kết hôn số 232 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã, huyện B, Thành phố H ngày 26/12/2002 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Lâm Nhật T (Giới tính: Nam, sinh ngày 02/02/2011) cho ông Lâm Văn Th chăm sóc, nuôi dưỡng. Phần cấp dưỡng nuôi con ông Th không có yêu cầu, khi nào có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết.

Bà Phan Thị T có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ khi cần thiết có thể xin thay đổi việc nuôi con hoặc góp phần phí tổn nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Bà T và ông Th cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà T và ông Th cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

5. Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0081324 ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi Nhận:
- TAND TP. HCM;

- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...)



Nguyễn Thị Ngọc Châu